

Số: 2343/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 27 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Cồn Nhất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Sơn Thái Bình tại Văn bản số 74/CV-TSTB ngày 15 tháng 6 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 714/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Cồn Nhất (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Sơn Thái Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bình Định, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm PV HCC (trả kết quả);
- UBND xã Bình Định;
- Công ty CP Đầu tư Thiên Sơn Thái Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Thìn} 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Cồn Nhất
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Cồn Nhất.

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bình Định, tỉnh Hưng Yên.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Sơn Thái Bình.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 79A, đường Lê Lợi, tổ 10, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

- Cụm công nghiệp Cồn Nhất được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) thành lập tại Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017, điều chỉnh Quyết định thành lập tại Quyết định số 3718/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2019; được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên điều chỉnh Quyết định thành lập tại các Quyết định: Số 1297/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2026, số 1610/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026; được Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương (trước đây) phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2023, điều chỉnh quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024; được Ủy ban nhân dân xã Bình Định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Cồn Nhất được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025.

- Tính chất cụm công nghiệp (theo các Quyết định: Số 1895/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017, số 3718/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2026, Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026) gồm các ngành nghề:

+ Dệt may (không tẩy nhuộm); cơ khí; thiết bị điện, điện tử; hàng gia dụng; vật liệu xây dựng; chế biến nông sản; công nghiệp hỗ trợ; dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp;

+ Công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất phương tiện vận tải, sản xuất các sản phẩm từ nhựa nguyên sinh (không tái chế nhựa), dịch vụ kho bãi với tổng diện tích không quá 10% diện tích cụm công nghiệp;

+ Xây dựng nhà xưởng cho thuê để sản xuất công nghiệp (chỉ được cho thuê đối với các dự án sản xuất có ngành nghề phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Cồn Nhất với diện tích khu đất thực hiện dự án là 694.711,7 m², cụ thể như sau:

+ Giai đoạn 1, diện tích 149.053,9 m², bao gồm: Đất công trình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng 87.724,3 m²; đất công trình hạ tầng kỹ thuật 7.529,4 m²; đất cây xanh 26.779,8 m²; đất hồ nước phòng cháy chữa cháy 7.538 m²; đất giao thông 19.482,4 m².

+ Giai đoạn 2, diện tích 545.657,8 m², bao gồm: Đất công trình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng 415.560,4 m²; đất công trình, dịch vụ công nghiệp 15.600,0 m²; đất cây xanh 49.228,6 m²; đất giao thông 65.268,8 m².

- Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường này không bao gồm các hoạt động sau: (1) khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ san nền, thi công hạ tầng các công trình của Cụm công nghiệp; (2) hoạt động của các dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Giai đoạn 1: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp có diện tích 149.053,9 m², gồm các hạng mục:

+ San nền lấp trũng: 149.053,9 m².

+ Đường giao thông:

Đường gom số 1 dài 505m, bề rộng 16m, lòng đường rộng 14m; vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường quy hoạch số 1 dài 213,3m, bề rộng 18m, lòng đường rộng 16m; vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường quy hoạch số 2 dài 225,8m, bề rộng 16m, lòng đường rộng 14m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường quy hoạch số 4 dài 268,8m, bề rộng 9,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

+ Đất công trình hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý nước thải) 7.529,4 m².

+ Đất cây xanh 32.713,9 m².

+ Đất hồ nước phòng cháy chữa cháy 1.603,9 m².

+ Xây dựng mạng lưới điện 22KV chạy theo các tuyến đường quy hoạch cấp điện cho các nhà máy xí nghiệp trong cụm; xây dựng mới 01 trạm biến áp 22(35)/0,4KV cấp điện cho hệ thống chiếu sáng trong cụm, khu đất dịch vụ công nghiệp và khu xử lý nước thải tập trung; các mạng điện chiếu sáng, đèn cao áp, cột

điện ly tâm, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, thông tin liên lạc,... được thi công đồng bộ tương ứng với các tuyến đường.

- Giai đoạn 2: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp có diện tích 545.657,8 m², gồm các hạng mục:

+ San nền lấp trũng: 545.657,8 m².

+ Đường giao thông:

Đường gom số 1 dài 143,1m, bề rộng 16m, lòng đường rộng 14m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường quy hoạch số 1 dài 188,3m, bề rộng 18m, lòng đường rộng 16m; vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường quy hoạch số 2 dài 540,5m, bề rộng 16m, lòng đường rộng 14m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường quy hoạch số 3 dài 492,2m, bề rộng 12,5m, lòng đường rộng 10,5m; vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường quy hoạch số 4 dài 939,8m, bề rộng 9,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường quy hoạch số 5 dài 191,5m, bề rộng 27,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè phía đất dịch vụ công nghiệp rộng 16m, vỉa hè phía cây xanh rộng 1m.

Đường quy hoạch số 6 dài 769,6m, bề rộng 16m, lòng đường rộng 14m; vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường quy hoạch số 7 dài 251,4m, bề rộng 9,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

Đường gom số 2 dài 888,4m, bề rộng 12,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m.

+ Đất công trình, dịch vụ công nghiệp 15.600,0 m².

+ Đất cây xanh 49.228,6 m².

+ Xây dựng mạng lưới điện 22KV, mạng điện chiếu sáng, đèn cao áp, cột điện ly tâm, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước được thi công đồng bộ tương ứng với các tuyến đường quy hoạch.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ phá dỡ, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; thực vật từ quá trình

phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông ra vào cụm công nghiệp; nước thải sau xử lý sơ bộ từ hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp và nước thải từ hoạt động quản lý vận hành hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động quản lý vận hành hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng 0,8 m³/ngày (giai đoạn 1) và 1,5 m³/ngày (giai đoạn 2); nước thải quá trình rửa xe vận chuyển khoảng 2,5 m³/ngày đêm (giai đoạn 1) và khoảng 5 m³/ngày đêm (giai đoạn 2), thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng; nước thải sinh hoạt khoảng 4,5 m³/ngày đêm (giai đoạn 1) và khoảng 5,4 m³/ngày đêm (giai đoạn 2), thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, COD, TSS, amoni (tính theo N), tổng Nitơ, tổng Phốt pho, tổng Coliform, sunfua, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải từ các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp, vận hành hạ tầng kỹ thuật khoảng 117,5 m³/ngày đêm (giai đoạn 1) và khoảng 1.155,34 m³/ngày đêm (giai đoạn 2), thông số ô nhiễm đặc trưng: COD, BOD₅, TSS, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ khoáng, amoni, tổng Coliform ...

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình san lấp mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu; bụi, khí thải từ quá trình thi công các hạng mục công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông vận tải và hoạt động của các dự án thứ cấp trong CCN; mùi từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khu lưu giữ chất thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh khoảng 25 kg/ngày đêm (giai đoạn 1) và khoảng 30 kg/ngày (giai đoạn 2).

+ Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 10 kg/ngày (từ hoạt động vận hành Trạm xử lý nước thải CCN).

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải từ phát quang thảm thực vật khoảng 24,4 tấn (giai đoạn 1) và khoảng 89,54 tấn (giai đoạn 2); chất thải từ phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 137,6 tấn (giai đoạn 1) và 806,4 tấn (giai đoạn 2); tầng đất mặt từ hoạt động bóc tách đất lúa, kênh mương thủy lợi, giao thông khoảng 24.438,34 m³ (giai đoạn 1) và khoảng 89.493,28 m³ (giai đoạn 2); chất thải từ thi công xây dựng khoảng 12,75 tấn (giai đoạn 1) và khoảng 77,83 tấn (giai đoạn 2).

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 1,62 tấn/năm (giai đoạn 1) và khoảng 4,32 tấn/năm (giai đoạn 2); bùn cặn từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa khoảng 109,13 tấn/năm (giai đoạn 1) và khoảng 508,97 tấn/năm (giai đoạn 2); bùn cặn từ bể tự hoại (vận hành Trạm xử lý nước thải) khoảng 0,6 tấn/năm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Khoảng 159 kg (giai đoạn 1) và khoảng 250 kg (giai đoạn 2), thành phần bao gồm: Dầu thải, giẻ lau dính dầu, vỏ thùng đựng sơn, xỉ hàn, cặn sơn thải....

+ Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật (gồm: Pin, ắc quy thải, dầu thải, thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử) khoảng 10 kg/năm (giai đoạn 1) và khoảng 18 kg/năm (giai đoạn 2); chất thải công nghiệp phải kiểm soát (gồm: Giẻ lau dính dầu, bao bì mềm đã chứa chất thải ra là CTNH, bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung) khoảng 4.343 kg/năm (giai đoạn 1) và khoảng 50.455 kg/năm (giai đoạn 2).

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy xúc, máy ủi, máy cày, xe tải nặng, máy khoan, máy ép cọc...và hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông trong cụm công nghiệp, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với nước thải

- Giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải phát sinh từ rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom, xử lý bằng hệ thống bể tách dầu, bể lắng, nước thải sau xử lý được tái sử dụng, không xả ra môi trường.

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động có bể chứa nước thải, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Cống tròn bằng bê tông cốt thép kích thước D800-1200mm, trên hệ thống bố trí các ga thu có nắp đậy, song chắn rác, kết hợp lắng cặn, tách dầu mỡ, bố trí 03 cửa xả.

+ Hệ thống thoát nước thải: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nổi, thu gom qua hệ thống đường ống HDPE D300; HDPE D400 và các hố ga, đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.400 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, dẫn qua mương quan trắc nước thải tự động, liên tục, sau đó xả ra thoát ra kênh Cốc Giang thông qua 1 cửa xả tại vị trí: $X_{(m)} = 2248910.584$; $Y_{(m)} = 600219.671$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Ngăn tuần hoàn → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cụm lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động, liên tục → Nguồn tiếp nhận.

Nước thải của các dự án đầu tư thứ cấp vào cụm công nghiệp phải được xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (riêng các thông số kim loại nặng: Asen (As), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadmi (Cd), Crom VI (Cr⁶⁺), Tổng Crom (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Bari (Ba), Antimon (Sb), Thiếc (Sn), Selen (Se) phải xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A), trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

Lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải.

+ Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thi công và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý trước khi tái sử dụng, không xả ra môi trường.

+ Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom nước thải, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Cụm công nghiệp được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.400 m³/ngày đêm để xử lý đạt

QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả môi trường. Không được phép xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn quy định.

+ Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, bảo đảm trạm xử lý nước thải luôn vận hành bình thường.

+ Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Quây rào bằng tôn chắn xung quanh khu đất, phun nước làm ẩm, che chắn bãi chứa vật liệu tạm tránh phát tán bụi; kiểm soát phương tiện vận chuyển, các xe vận chuyển được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường, được vệ sinh sau khi vận chuyển; vệ sinh tuyến đường gần khu vực thi công giảm thiểu phát sinh bụi.

- Giai đoạn vận hành:

+ Trồng cây xanh trong khu vực dự án bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

+ Đối với mùi của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý công suất 2.000 m³/giờ. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý mùi: Khí thải (mùi) từ các bể xử lý nước thải → Quạt hút, đường ống dẫn khí → Tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch NaOH) → Ống xả khí → Môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; thực hiện và giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án bảo đảm tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực trạm xử lý nước thải, bảo đảm khoảng cách tối thiểu với các công trình xung quanh theo quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Đối với chất thải rắn xây dựng như: Cát, đá, bê tông thừa được sử dụng để san lấp mặt bằng; vỏ bao xi măng, bao bì giấy, sắt thép vụn được thu gom, bán tái chế; đất hữu cơ bóc tách bề mặt được tái sử dụng vào mục đích trồng cây xanh của dự án; các loại chất thải rắn không thể tái chế, tái sử dụng được thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom, lưu chứa trong các thùng đựng rác, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành và trên các tuyến đường giao thông của cụm công nghiệp, chủ dự án có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ tại thùng chứa; chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại, lưu giữ tại kho diện tích khoảng 5 m² (bố trí trong khu đất trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp); hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Bùn nạo vét hệ thống thoát nước mưa, bùn cặn từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải phát sinh từ hoạt động của Dự án vào đúng các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Giai đoạn vận hành: Bố trí kho lưu giữ diện tích 25,45 m² và nhà lưu chứa bùn thải sau ép diện tích 26 m² nằm trong khu đất của trạm xử lý nước thải tập trung; sử dụng các bao bì, thùng chứa có nắp đậy để lưu chứa, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ

môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn bảo đảm mức ồn nằm trong giới hạn cho phép, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình thi công; hạn chế thi công đồng thời các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, tránh thi công vào giờ cao điểm.

- Giai đoạn vận hành: Lắp đặt thiết bị chống ồn, rung, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với máy móc của trạm xử lý nước thải tập trung; trồng cây xanh xung quanh trạm xử lý tập trung và các vị trí theo quy hoạch.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung bị sự cố hoặc nước thải xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố dung tích 3.439 m³. Sau khi khắc phục xong sự cố của Trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn quy định.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung, bảo đảm tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm bảo đảm hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- + Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.
- + Vị trí quan trắc: 04 vị trí xung quanh khu vực dự án.
- + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải:

- Giám sát nước thải tự động, liên tục các thông số: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Giám sát nước thải định kỳ:

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí, tại bể gom và tại vị trí xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận.

+ Thông số giám sát: Toàn bộ thông số ô nhiễm nêu tại Bảng 1, Bảng 2 QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (trừ các thông số đã giám sát tự động, liên tục).

+ Tần suất giám sát: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, thuê đất theo quy định; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành. Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; bảo đảm phù hợp với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu tại Quyết định này.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025. Yêu cầu các dự án thứ cấp đầu tư vào cụm công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định hiện hành; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định.

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn, độ rung; bảo đảm chất lượng nước mưa chảy tràn; chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để bảo đảm việc tập kết vật liệu xây dựng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Thực hiện đúng các quy định của nhà nước; phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đất đai, xây dựng, kinh doanh bất động sản; thủy lợi; xả nước thải vào nguồn nước, tài nguyên nước, các quy định về

phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, phòng chống dịch bệnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro cho môi trường.

- Chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án bảo đảm nhằm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chỉ được đưa Dự án vào vận hành sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và được cấp giấy phép môi trường theo quy định; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Chịu trách nhiệm và cam kết bồi thường, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không bảo đảm công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư xây dựng./.
